

Phụ lục 2.1: KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2024-2025, KẾ HOẠCH VỤ HÈ THU 2025

TT	Xã, phường	Thực hiện vụ Đông Xuân 2024-2025								Kế hoạch vụ Hè Thu 2025														
		DT chuyển đổi (ha)	Trong đó							DT chuyển đổi (ha)	DT chuyển đổi (ha)	Trong đó												
			Cây hàng năm									Cây lâu năm	Cây hàng năm							Cây lâu năm				
			Ngô	Lạc	Rau các loại	Đậu các loại	Mì	Cỏ chăn nuôi	Cây khác				Cây ăn quả, cây lâu năm	Ngô	Lạc	Rau các loại	Đậu các loại	Mì	Cỏ chăn nuôi		Cây khác	Cây ăn quả, cây lâu năm		
1																								
2																								
3																								
4																								

Ghi chú: Tỉnh An Tây không có chuyển đổi

- Diện tích tăng, giảm so với ĐX 2023-2024
- Hiệu quả (tăng, giảm) so với trồng lúa

Chuyển đổi trên đất gì:

- Đất 1 vụ: ví dụ cây ngô, đậu,..
- Đất lúa 2 vụ: ví dụ cây lạc,..
- Đất khác (đất kém hiệu quả): cỏ chăn nuôi, cây keo

Phụ lục 2.2: KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG MỸ NĂM 2025

[illegible]

Phụ lục 3 a1: KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2024-2025

(Kèm theo Công văn số: /TNMT ngày /4/2025 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố)
ĐVT: DT: Ha; NS: Tạ/ha; SL: Tấn

STT	Tỉnh Ấn Tây	Lúa			Ngô			Đậu các loại			Lạc			Mỳ (Sắn)
		Diện tích Thực hiện	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích
1		113,3	70,0	793,1	18,0	61,0	109,8	4,0	20,0	8,0	18,0	21,0	37,8	79,0
2														
3														
4														
5														
6														
7														
8														
9														

Ghi chú: Nguồn số liệu tổng hợp từ báo cáo kết quả sản xuất trồng trọt vụ Đông Xuân 2024-2025 của các xã, phường.

Ngô sinh khối:

STT	Xã, phường	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
1				
2				
3				
TC				

Phụ lục 3 a2: KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2024-2025 (tt)

(Kèm theo Công văn số: /TNMT ngày /4/2025 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố)

ĐVT: DT: Ha; NS: Tạ/ha; SL: Tấn

ST T	Tỉnh Ấn Tây	Tổng DT Rau các loại			Trong đó												Cây ớt		
					Rau ăn lá củ quả các loại			Dưa hấu			Hành			Tỏi					
		Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
1		4,0	182,5	73,0															
2																			
3																			
4																			
5																			
6																			
7																			
8																			
9																			
10																			
11																			
12																			
13																			

Ghi chú: Nguồn số liệu tổng hợp từ báo cáo kết quả sản xuất trồng trọt Đông Xuân 2024-2025 của các xã, phường.

Phụ lục 3 b1: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU 2025

(Kèm theo Công văn số: /TNMT ngày 14/2025 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố)

ĐVT: DT: Ha; NS: Tạ/ha; SL: Tấn

STT	Tỉnh Ấn Tây	Lúa			Ngô			Đậu các loại			Lạc			Mỳ (Sắn)		
		Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
1		113,3	65,0	736,4	12,0	61,0	73,2	3,0	20,0	6,0	3,0	21,0	6,3	79,0	360,0	2.844,0
2																
3																
4																
5																
6																
7																

Ghi chú: Nguồn số liệu tổng hợp từ báo cáo kết quả sản xuất trồng trọt vụ Đông Xuân 2024-2025 của các xã, phường.

Ngô sinh khối:

STT	Xã, phường	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
1				
2				
3				
TC				

Phụ lục 3 b2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU 2025 (tt)

(Kèm theo Công văn số: /TNMT ngày /4/2025 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố)

ĐVT: DT: Ha; NS: Tạ/ha; SL: Tấn

STT	Tỉnh Ấn Tây	Tổng DT Rau các loại			Trong đó												Cây ớt		
					Rau ăn lá củ quả các loại			Đưa hấu			Hành			Tỏi					
		Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng			
1																			
2		3,0	182,5	54,7															
3																			
4																			
5																			
6																			
7																			
8																			
9																			
10																			
11																			
12																			
13																			

Ghi chú: Nguồn số liệu tổng hợp từ báo cáo kết quả sản xuất trồng trọt vụ 2024-2025 của các xã, phường.